TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **75/**2020/QĐST-HNGĐ	*Bắc Từ Liêm, ngày 10 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1- Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1978

2 - Ah Trần B - Sinh: 1978

Cùng HKTT và ở: Tập thể quân đội – Công ty 695- tổ 4 phường Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị A và Anh Trần B đăng ký kết hôn ngày 03/6/2004 tại UBND xã Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách. Anh chị đã cố gắng hòa giải và được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân, mâu thuẫn không thể hòa giải được. Nay anh chị thuận tình ly hôn, xét việc anh chị thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Q, sinh ngày 30/12/2004 và Trần Trung K, sinh ngày 22/02/2007. Anh chị thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B đóng góp tiền nuôi con chung là 5.000.000 đồng/ tháng/ cháu kể từ tháng 3/2020 cho đến khi

các cháu trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Bình có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Việc anh chị thỏa thuận là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nhà ở: Hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét

[4] Về nợ chung: Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, nên không xem xét.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A và anh Trần B cùng tự nguyện chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quA hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và Anh Trần B.

- Về con chung: Ah chị có 02 con chung là Trần Q, sinh ngày 30/12/2004 và Trần Trung K, sinh ngày 22/02/2007. Ghi nhận sự tự nguyện của hai bên giao cả hai con chung cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Anh B đóng góp tiền nuôi con chung là 5.000.000 đồng/ tháng/ một cháu kể từ tháng 3/2020 cho đến khi các cháu trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh B có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nhà ở: Hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2- Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị A và anh Trần B cùng tự nguyện chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí ạnh chị đã nộp theo biên lai số AB/2015/03425 ngày 26/02/2020. Anh B và chị A đã nộp đủ lệ phí.

3- Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát ND quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THA dân sự quận Bắc Từ Liêm;
- UBND xã Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ, Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Dương Thị Thu Phượng